TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KÔNG CHRO** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2018
Về việc: "*Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phan Huy Viễn.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Quang Quốc.
2. Ông Nguyễn Ngọc Khánh.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Phạm Quang Hà – thư ký Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kông Chro mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27/03/2018, về việc: "***Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn , xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- **Bị đơn**: Anh Lê Văn B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn , xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/03/20018, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Tôi và anh Lê Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước. Việc chung sống của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, trước khi chung sống chúng tôi cũng có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng cũng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do hai chúng tôi có nhiều bất đồng về quan điểm và lối sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ và không còn tôn trọng nhau, quan tâm đến nhau nên tình cảm cũng dần phai nhạt mà lý do là anh B ghen tuông bóng gió nên thường xuyên chửi mắng, đánh đập tôi. Nay tôi thấy cuộc sống chung của vợ

chồng không có hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B.

Về con chung: Tôi và anh B đã có với nhau 02 con chung là cháu Lê Thanh P sinh năm 1998 và cháu Lê Thị Bích P sinh năm 2008. Hiện nay cháu P đã trưởng thành và tự lập được còn cháu P còn nhỏ, sống phụ thuộc vào bố mẹ. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi cháu P, tôi không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Lê Văn B trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Mỹ T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước. Việc chung sống của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, trước khi chung sống chúng tôi cũng có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng cũng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do hai chúng tôi có nhiều bất đồng về quan điểm và lối sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ và không còn tôn trọng nhau. Chị T nhiều lần bỏ nhà đi nhưng tôi vẫn gọi quay về vì muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng cũng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc thêm và không thể hàn gắn. Nay tôi thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Tôi và chị T đã có với nhau 02 con chung là cháu Lê Thanh P sinh năm 1998 và cháu Lê Thị Bích P sinh năm 2008. Hiện nay cháu P đã trưởng thành và tự lập được còn cháu P còn nhỏ, sống phụ thuộc vào bố mẹ. Khi ly hôn, trước đây nguyện vọng của tôi là cháu P muốn ở với ai thì đề nghị Tòa án giao cháu cho người đó nuôi, bên kia không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng nay tôi thay đổi ý kiến và xin được nuôi cháu P, tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Lê Văn B chung sống với nhau từ năm 1996. Trước khi chung sống, anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Tuy việc chung sống của chị T và anh B là tự nguyện nhưng việc anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đã vi phạm vào các quy định về kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Do vậy, việc chị T và anh B tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Lê Văn B là những công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức. Lẽ ra anh chị phải nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện, bất chấp những quy định của pháp luật, điều này anh chị cần rút kinh nghiệm.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra đã lâu và không thể hàn gắn được, anh chị đều thể hiện ý chí xin được ly hôn. Như vậy, mục đích của hôn nhân của anh chị không đạt được, đáng lẽ ra Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị nhưng như đã phân tích ở trên do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tuyên bố không công nhận chị T và anh B là vợ chồng là hợp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Lê Văn B có 02 con chung là cháu Lê Thanh P sinh ngày 23/5/1998 và cháu Lê Thị Bích P sinh ngày 22/5/2008. Hiện nay cháu P đã trưởng thành và tự lập được còn cháu P còn nhỏ, sống phụ thuộc vào bố mẹ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh B đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu P và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T và anh B thì thấy rằng cháu P còn nhỏ và là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, bản thân cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ quyết định giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của cháu về mọi mặt.

Do chị T không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình xử:

- Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Lê Văn B là vợ chồng.

- Giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Thị Bích P, sinh ngày 22/5/2008 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Lê Văn B thống nhất tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét

xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 235 và 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 14, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

1. ***Về quan hệ hôn nhân***:

Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Lê Văn B là vợ chồng.

2. *Về con chung:*

Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được quyền nuôi dưỡng con chung của chị và anh Lê Văn B là cháu Lê Thị Bích P, sinh ngày 22/5/2008 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000056, ngày 27/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Huy Viễn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện Kông Chro;*
- *UBND xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Kông Chro;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**